

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 4 năm 2023
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thành – Ông Nguyễn Quang Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Sầm Thị L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 05, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái;

Bị đơn: Anh Lê Tuấn A, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 05, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái;

Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái - Tổ 13, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự vắng mặt, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Sầm Thị L bày:

Chị và anh Lê Tuấn A đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 11 năm 2013, tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là phường H), thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh A nghiện chất ma túy, mãi chơi, không chịu lao động, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị và gia đình

đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh A vẫn không thay đổi. Đến tháng 02 năm 2022, anh A bị cưỡng chế đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Tuấn A.

Về con chung: Chị và anh Lê Tuấn A có 02 con chung là cháu Lê Thị Thảo N, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2014 và cháu Lê Đình Thiên P, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2015. Hiện các cháu đang sống cùng với chị. Chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ bị đơn anh Lê Tuấn A trình bày:

Anh thống nhất với chị Sầm Thị L về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như chị L trình bày là đúng. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị L.

Về con chung : Anh và chị L có hai con chung như chị L trình bày. Hiện hai cháu đang sống cùng chị L. Anh đề nghị giao cháu Lê Đình Thiên P cho bố đẻ anh là ông Lê Đại Q, địa chỉ tổ 5, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trực tiếp, nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi anh hoàn thành thời gian cai nghiện bắt buộc, giao cháu Lê Thị Thảo N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh và chị L không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bị đơn anh Lê Tuấn A có hộ khẩu thường trú tại Tổ 05, phường H, thành phố Y, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Sầm Thị L kết hôn với anh Lê Tuấn A ngày 11 tháng 11 năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Chị L và anh A thống nhất Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh A nghiện chất ma túy, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Hiện anh đang cai nghiện chất ma túy tại Cơ sở cai nghiện tỉnh Yên Bái từ tháng 02 năm

2022 đến nay. Chị L và anh A cùng xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh A đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Chị Sầm Thị L và anh Lê Tuấn A có hai con chung là cháu Lê Thị Thảo N, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2014 và cháu Lê Đình Thiên P, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2015. Việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trước hết phải đảm bảo quyền lợi và không làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của con. Xét thấy, hiện hai cháu đang sống ổn định cùng với chị L. Anh A đang trong thời gian cai nghiện bắt buộc nên giao cả hai cháu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế cũng như nguyện vọng của cháu N và cháu P được ở cùng mẹ khi chị L và anh A ly hôn. Do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, nợ chung: Chị Sầm Thị L và anh Lê Tuấn A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Sầm Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Sầm Thị L được ly hôn anh Lê Tuấn A.

2. Về nuôi con: Giao cháu Lê Thị Thảo N, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2014 và cháu Lê Đình Thiên P, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2015 cho chị Sầm Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Anh Lê Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Sầm Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2022/0000141 ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Sầm Thị L, anh Lê Tuấn A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái ;
- VKSND TP.Yên Bái;
- THADS TP. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND P.H, TP Y;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền